

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 18/01/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Trịnh Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thùy G**, sinh năm: 1951, địa chỉ nơi cư trú: Tổ 13, ấp V, xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị Diễm Th**, sinh năm 1975, địa chỉ nơi cư trú: ấp V, xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Hoàng L, sinh năm: 1973, địa chỉ nơi cư trú: ấp V, xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bà Đoàn Thị Diễm Th và Ông Lê Hoàng L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2022, bản tự khai đề ngày 03/11/2022, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thùy G trình bày:

Vào ngày 17/01/2009, bà G có cho vợ chồng bà Th, ông L mượn 01 chỉ vàng 24K và 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, do quan hệ dì cháu nên bà cho mượn không tính lãi. Việc mượn tiền và vàng, bà Th có làm giấy.

Đến tháng 8/2011, bà Th, ông L trả được 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho bà. Từ đó đến nay, bà nhiều lần đòi nợ nhưng bà Th, ông L không trả. Nay, bà G yêu

cầu vợ chồng bà Th, ông L có trách nhiệm liên đới trả cho bà G số vàng 01 chỉ vàng 24K và số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/11/2022, bị đơn bà Đoàn Thị Diễm Th trình bày:

Bà Th là cháu dâu của bà G. Khi bà Th và ông L mới cưới nhau, vì túng thiếu nên vợ chồng bà có mượn 01 chỉ vàng của bà G và sau đó đã trả đủ cho bà G. Số vàng này do vợ chồng bà Th, ông L cùng mượn để lo sinh hoạt trong gia đình. Bà G yêu cầu nên bà Th có ký giấy nợ. Chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 17/01/2009 là của bà, nhưng đó không phải là tiền mượn mà là tiền lời của 01 chỉ vàng. Số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K ghi trong Giấy mượn tiền đều là tiền lời của 01 chỉ vàng mượn, bà đã trả được 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho bà G. Bà Th không có chứng cứ chứng minh số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K nêu trên là tiền lời. Nay, bà G yêu cầu trả thì bà Th đồng ý trả 2.000.000 (Hai triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K cho bà G nhưng bà Th xin trả dần, làm có nhiều trả nhiều.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Hoàng L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông L đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G. Buộc bà Th và ông L trả cho bà G 01 chỉ vàng 24k và 2.000.000 đồng. Ghi nhận bà G không yêu cầu tính lãi của số tiền, vàng nợ nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thùy G với bà Đoàn Thị Diễm Th và Ông Lê Hoàng L là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn bà Th hiện đang cư trú tại ấp V, xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th và ông L vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

lần thứ hai; bà G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông L.

[2] Về nội dung vụ án: Bà G yêu cầu bà Th và ông L trả 2.000.000 (Hai triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà G cung cấp “*Giấy mượn tiền ngày 17/01/2009*”. Căn cứ vào Giấy mượn tiền thì đây là giao dịch vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi được qui định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Trước chứng cứ của bà G, bà Th thừa nhận chữ ký tại “*Giấy mượn tiền ngày 17/01/2009*” là của bà, căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Bà Th cho rằng vợ chồng bà Th và ông L chỉ mượn 01 chỉ vàng 24K của bà G sau đó cũng đã trả đủ 01 chỉ vàng 24K cho bà G. Đối với số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K ghi trong Giấy mượn tiền ngày 17/01/2009 thì bà Th xác định đây đều là tiền lãi của 01 chỉ vàng 24K mà vợ chồng bà Th, ông L mượn trước đó, vì vợ chồng bà Th, ông L chậm trả nợ cho nên bà G mới tính lãi và yêu cầu bà Th ký Giấy mượn tiền. Tòa án đã có thông báo cho bà Th về việc giao nộp chứng cứ chứng minh Giấy mượn tiền đề ngày 17/01/2009 là số tiền lãi của 01 chỉ vàng 24K mượn trước đó nhưng bà Th, ông L không cung cấp. Quá trình lấy lời khai của đương sự, bà Th cũng thừa nhận bản thân không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th vắng mặt vẫn không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Điều này cho thấy bà Th không có thiện chí giải quyết vụ án. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự khẳng định chứng cứ mà bà G cung cấp là hợp lệ. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà G là có căn cứ, đúng quy định nên được chấp nhận. Bà G thừa nhận bà Th và ông L đã trả được 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho bà G, nên hiện tại số tiền còn nợ lại là 2.000.000 (Hai triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K.

[3.1] Xét yêu cầu liên đới: Bà Th thừa nhận việc vay mượn tiền vàng là để lo sinh hoạt chung của vợ chồng, đáp ứng như cầu thiết yếu khi túng thiếu. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông L biết nhưng ông L không có ý kiến phản hồi. Bà Th và ông L là vợ chồng, hôn nhân đang tồn tại, căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc ông L có nghĩa vụ liên đới với bà Th trả cho bà G 2.000.000 (Hai triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K.

[4] Bà Th xin trả nợ dần, làm được bao nhiêu trả bấy nhiêu, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà Th nhiều lần vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải, bà G kiên quyết không đồng ý cho bà Th và ông L trả dần vì nợ đã quá lâu. Xét thấy đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Từ các lẽ trên, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc bà Th và ông L có

trách nhiệm liên đới trả cho bà G số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2009 là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà G không có yêu cầu tính lãi nên không xét đến.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của bà G được chấp nhận nên bà Th, ông L phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án là 7.340.000 đồng (trong đó 5.340.000 đồng là giá trị 01 chỉ vàng 24K tại thời điểm xét xử vụ án) x 5% = 367.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy G.

Buộc bà Đoàn Thị Diễm Th và Ông Lê Hoàng L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thùy G số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng và 01 chỉ vàng 24K theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2009. Ghi nhận bà G không có yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Th và ông L phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 367.000 (Ba trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh Lan